



Ca Cà Phê Đẳng!

Tư Kiên

Trình Sát 24 BĐQ

Sau Lễ Giáng Sinh 1974, BCH LĐ rời khỏi khu vực làng Nghi Xuân để đến khu vực mới ở phi trường Nhơn Cơ. Cả một căn cứ mênh mông giao lại cho 1 Đại Đội Trình Sát chúng tôi đảm nhận. ĐĐ/TS, là một đơn vị di động, với trang bị nhẹ, giờ phải đảm nhận một diện tích phòng thủ dành cho ít nhất là cấp tiểu đoàn. Đây là bài toán khó, bởi ĐĐ chúng tôi thực ra là một đơn vị tân lập, tuy rằng trước đó là ĐĐ 1 của TĐ 81 BĐQ được tách ra, nhưng những thành phần kỳ cựu hầu như không còn.

Ngoài Đại Úy Song là ĐĐ trưởng và tôi là ĐĐ phó còn có chút thâm niên công vụ, binh sĩ, hạ sĩ quan, và cả các sĩ quan khác đều còn rất trẻ, hầu hết mới ra trường. Cái may của chúng tôi là cả hai đều là SQ Tham Mưu của TĐ 11 BĐQ ngày trước. Đ/úy Song là Trưởng Ban 3 còn tôi là SQ Truyền Tin, do đó nguyên tắc tổ chức và huấn luyện chúng tôi đều khá nhuần nhuyễn, và anh em lại từng ở chung làm việc chung cùng một đơn vị nên khá ăn ý.

Về mặt tổ chức, tuy cấp số ĐĐ /TS chúng tôi có 107 người với 9 SQ, nhưng trên thực tế chúng tôi chỉ có khoảng 60 binh sĩ, hạ sĩ quan, và 4 sĩ quan, nghĩa là trừ ĐĐ trưởng và ĐĐ phó ra thì còn 2 SQ nữa. Đó là 2 Chuẩn Úy mới ra trường, không một chút kinh nghiệm từ chỉ huy đến hành quân cũng chẳng biết gì nhiều về bản đồ, địa hình. May mắn ĐĐ còn sót lại 2 người của ĐĐ1/81 cũ là Tr/sĩ I Thủ và Hạ sĩ I Hải. Họ là 2 tay nổi tiếng “ba gai”, nhưng lại có kinh nghiệm chiến trận và không “chết nhất”, biết đôi chút về bản đồ nếu được hướng dẫn tỉ mỉ... Nói chung, công việc trong ĐĐ tân lập này là một

gánh nặng trên đôi vai hai chúng tôi. Có thêm may mắn cho ĐĐ trong thời gian này là tình hình khu vực tương đối yên tĩnh trong suốt thời gian ở chung với BCH/LĐ. Khi BCH/LĐ rút đi thì tình hình bắt đầu khác hẳn!

Với một căn cứ cũ quá rộng lớn được giao cho, chúng tôi biết rằng không thể phòng thủ hữu hiệu được nếu bị tấn công, nhất là về đêm. Do đó, Đ/Úy Song và tôi quyết định dùng “nghỉ binh”, nghĩa là không đóng cố định ở một vị trí nào trong căn cứ. Thậm chí ban đêm đôi khi ĐĐ không ở trong căn cứ. Biện pháp này tuy hữu hiệu nhưng lại mang tính thụ động với nhiều may rủi. Lợi dụng tình hình trong vùng khá yên tĩnh, tôi bàn với Đ/úy Song nhân tiện huấn luyện binh sĩ một số bài học về chiến thuật trinh sát. Trong ĐĐ, chỉ có tôi và Đ/Úy Song là có cả bằng Viễn Thám và bằng Hành Quân Biệt Động Rừng Núi Sinh Lây. Tôi tốt nghiệp khóa 53 VT và khóa 64 RNSL, Đ/úy Song Thủ Khoa khóa 51 VT (không nhớ khóa mấy RNSL), ngoài ra hai chúng tôi lại xuất thân là SQ Tham Muu nên việc lập chương trình huấn luyện cho đơn vị không khó, nhất là lại trên chiến trường thật.

Khu vực này là một khu vực đang khai thác lâm sản. Cách căn cứ chúng tôi chừng 2 km là một bãi tập trung cây từ trong rừng mang ra để chờ chuyển đi. Với người bình thường, bãi tập trung cây này cũng chỉ là nơi chất những cây gỗ vô tội bị đốn về. Nhưng dưới con mắt chuyên môn của Trinh Sát chúng tôi, đây có thể là nơi nguy hiểm, thậm chí cực kỳ nguy hiểm nếu như Cộng quân núp ở đó để rình quân xa đi qua. Do vậy, thỉnh thoảng tôi cũng xin bắn quấy rối ở đó (bắn quấy rối được gọi trệch ra là quét rác). Nhưng lần nào cũng thế, hễ xin bắn vô đó là bị từ chối (?). Đ/Úy Song và tôi đoán biết có “ẩn tình” bên trong nên tôi tự “quét rác” bằng cối 60 ly. Điều hơi kỳ cục là ĐĐ chúng tôi là một đơn vị di động cần phải trang bị nhẹ, vậy mà cũng được cấp tới 2 cây cối 60 ly và 2 cây Đại Liên M60. Thêm đại liên thì càng tốt vì có cũng không dư. Nhưng “cối” thì đúng là dư, vì không lẽ Trinh Sát lại nằm một chỗ

giống Địa Phương Quân hay Nghĩa Quân. Cái dư lúc này đang được tôi khai thác triệt để, vì những vùng tôi xin Pháo Binh “quét rác” không được tôi tự “quét” lấy.

“Nghề bắn cối” tôi học được từ một ông thầy trong đơn vị cũ là Đ/úy Lê Văn Chương, khóa 19 Võ Bị, đang là TĐP TĐ11 BĐQ (1971), khi tôi mới về trình diện tiểu đoàn, đang được nghỉ dưỡng quân sau trận Căn Cứ 4, Căn Cứ 5 (Bắc Kontum 1971). Lúc đó, TĐ đang đóng quân trên một ngọn đồi gần làng Dak Mốt, giữa Tân Cảnh và Benhet, hướng Đông đối diện với Căn Cứ 5.

Chiều chiều, Đ/U Chương ra huấn luyện mấy ông HSQ bắn súng cối, 81 ly và 60 ly, mục tiêu là những ngọn đồi hoang sau lưng căn cứ, tức hướng Tây. Sờ dĩ tập bắn về buổi chiều là để phòng những người Thượng đi săn, đi rẫy bên đó. Mới ra đơn vị nên tôi khá lạ lẫm với sinh hoạt vì thể cũng theo ra mấy ụ súng để coi cho biết. Tôi theo dõi cách Đ/U Chương dạy từ gióng súng, căn bọt nước thẳng bằng, cho tới lấy độ cao, v.v...

Điều rất đặc biệt là sau khi đọc qua mấy lần tôi đã thuộc “bản xạ biểu”. Tôi có thể nói luôn với khoảng cách nào đó cần dùng thuốc bòi nào, cao độ bao nhiêu. Tôi đều thuộc lòng mỗi khoảng cách có 2 cách bắn với 2 cách dùng thuốc bòi và cao độ, cả cối 81 và cối 60. Thấy tôi có khiếu và nhớ dai, Đ/U Chương tận tình hướng dẫn tôi cách tính tà giác, tức độ dốc của núi đồi, độ giật... Thế là từ 1 SQTT tôi trở thành một “chuyên viên súng cối”. Sau đó, nhờ các anh em SQ “đề lơ” Pháo Binh đi theo TĐ hướng dẫn thêm nên việc bắn súng cối với tôi là một “nghề tay trái”.

Ngoài Đ/U Chương, tôi còn được một đàn anh nữa cũng trong TĐ11/BĐQ là Tr/U Phan Văn Hải (Bắc Hải), ĐĐT ĐĐ3, chỉ dẫn. Các anh đã tận tình hướng dẫn lại cho tôi cách dùng bản đồ và địa hình. (Khi Tr/U Hải làm Ban 3, tôi và anh đã rất thân nhau vì tánh anh hiền lành trung thực, và rất quý đàn em.

Năm 1974, Bắc Hải lên thiếu tá. Đ/úy Chương đã mất, giờ chỉ còn Bắc Hải đang nằm trong Nursing Home ở San Jose. Mỗi lần có dịp về nơi đây tôi đều đến thăm anh.)

Tôi và Đ/U Song đã đoán rất đúng, những khu vực bị chúng tôi “quét rác” bằng súng cối đã bị chạm nọc. BCH/LĐ cũng như tiểu Khu Quảng Đức không thắc mắc gì về hoạt động của chúng tôi, nhưng lại có người “dám” đến tận nơi đóng quân của chúng tôi để nêu thắc mắc. Hôm đó, tôi và Đ/U Song đang ngồi uống cà phê ở quán dưới làng, một anh chàng mặc đồ dân sự đi một chiếc Honda 90cc bánh gai lớn dừng trước cửa. Hấn hỏi thăm và ngó ý muốn gặp “Sông Lô”. Thấy hấn ta kêu đúng danh hiệu, mấy người lính bèn chỉ vô bàn chúng tôi ngồi. Mới gặp mặt hấn đã “xưng cò”,

- Các anh có biết các anh đang làm gì không?

Tôi và Đ/U Song nhìn nhau rồi hỏi,

- Anh là ai, gặp chúng tôi có chuyện gì?

Hấn trừng mắt nhìn tôi:

- Anh đứng qua một bên để tôi nói chuyện với “xếp” của anh!

Nóng mặt, tôi quay qua Đ/úy Song,

- Đ/U để tôi nói chuyện với “thằng” này!

Quay qua hấn tôi nói,

- Có chuyện gì anh nói với tôi, không cần nói với Đ/U. Tôi giải quyết được, tôi là ĐĐP.

Hấn hằm hè nhìn tôi:

- Được! Vậy ai cho các anh bắn súng cối bừa bãi trong khu vực này?

- Đây là vùng hoạt động của chúng tôi, vùng hành quân của đơn vị chúng tôi!

- Một ĐĐ các ké cũng muốn làm ông trời ở đây hả?

-Anh đang nói cái gì?

- Tôi nói các anh là một lũ cặc ké.

- Coi chừng cái miệng đừng để hời không kịp đó!

Có lẽ hẳn cũng biết là vô cơ nóng bậy với đám “cọp rừng” nên vội xuống nước,

- Tôi đến đây là có chuyện muốn nói với các anh.



- Được, nói đi!

- Tôi là chủ khai thác lâm sản khu vực này, tôi có giấy phép đàng hoàng.

- Đó là chuyện của anh, không liên quan gì tới chúng tôi. Chúng tôi đến đây là để hành quân, lùng và diệt địch. Đây là

nhệm vụ của chúng tôi.

- Tôi biết, nhưng các anh bắn bừa bãi hư hết cây của tôi. Vùng này đâu có gì mà phải bắn quấy rối!

- Đây là biện pháp an toàn khi hành quân và đóng quân đêm, chúng tôi được quyền bắn vào bất kỳ mục tiêu nào chúng tôi nghi ngờ!

- Các anh có thấy là các anh xin Pháo Binh họ không dám bắn không? Sao các anh lại cố tình bắn? Từ bữa nay, tôi yêu cầu các anh chấm dứt chuyện này. Các anh đóng quân ở đây tôi bảo đảm an ninh cho các anh!

- Anh nói chuyện nghe dzui quá!

- Tôi nói thật, các anh cứ tin đi! Tôi cũng là một cựu Sĩ Quan!?, tôi lấy danh dự để bảo đảm cho các anh.

- Ngộ thật!

- Tôi là Nguyễn Đức Hùng, cựu... Sư Đoàn..., khóa...

-

-Tôi giải ngũ vì lý do kỷ luật!

-Không phải chúng tôi không tin anh, nhưng đây là nhiệm vụ của chúng tôi, và chúng tôi không có nhiệm vụ giải thích hay “trình bày” gì với anh. Anh có thể đi được rồi.

- Các anh không nghe lời tôi, hậu quả không nhỏ đâu?

- Anh hăm dọa chúng tôi à?

- Không hăm dọa đâu, nếu các anh còn muốn ở đây thì hãy nghe lời tôi!

- Còn nếu không?

- Thì các anh sẽ đi chỗ khác...

- Đi đâu thì cũng là hành quân,...

- Khác nhiều lắm!

- Nói thật với anh, chúng tôi đang cần địch để đánh, ngồi không chán lắm!

Gã đàn ông tên Hùng nhìn chăm chăm vào hai chúng tôi có vẻ lạ lùng. Hắn muốn nói thêm gì đó, nhưng lại thôi rồi quay xe đi mất. Tôi hỏi Đ/U Song,

- Đ/U nghĩ sao về tên này, có nên báo cho Liên Đoàn biết không?

- Báo thì cũng vậy thôi, thậm chí báo về Tiểu Khu cũng vậy thôi. Lẽ ra mình nên trối hắn lại rồi gọi cho Liên Đoàn thì đúng hơn. Nhưng rồi họ sẽ nói là “chuyện chẳng có gì mà mình làm ầm ĩ!” Anh nghĩ sao?

- Chuyện tên này thì đúng là loại “hai mang”. Chắc chắn nó đi “hàng hai” nên mới làm ăn giữa súng đạn hai bên như vậy. Chỉ có điều là mình không có đủ chứng cứ gì để “độp” nó thôi. Từ nay phải dặn lính đề phòng bọn thợ rừng, bọn này cũng là dân “hai hàng”.

-Tôi cũng nghĩ như vậy, anh phải thật cẩn thận mỗi khi dắt lính vô rừng huấn luyện. Tụi nó có vẻ thuộc đường đi nước bước của mình rồi nhưng chưa dám làm gì vì còn tên này đi nước đôi, nay mình quyết liệt với hắn thì nên đề phòng.

- Đúng vậy.

Chúng tôi trở về căn cứ và thảo luận vấn đề thật kỹ. Điều chúng tôi cảm thấy được đó là đại đội của chúng tôi đã bị theo dõi kỹ lưỡng. Khi nào bị tấn công thì chắc là đang nằm trong tính toán của chúng. Tôi tiếp tục huấn luyện căn bản cách di chuyển trong rừng, cách dùng địa bàn, cách chấm tọa độ cho mấy hạ sĩ quan và 2 chuẩn úy. Vì đang ở trong vùng hành quân, không có phương tiện nên chúng tôi cũng chỉ loanh quanh trong khu vực chứ không thể đi xa hơn được. Tôi cũng biết nếu cứ tiếp tục huấn luyện như vậy thì sẽ rất nguy hiểm cho chúng tôi vì rất dễ bị VC phục kích.

Quả nhiên dự đoán của tôi không sai. Mấy ngày sau, khi tôi đang dắt 1 trung đội vô rừng thì bị phục kích. Điều rất may là có thể chúng đoán rằng SQ sẽ đi khoảng giữa nên nổ súng ngay toán giữa trong trung đội. Tôi và ông Chuẩn úy lại đi trước vì tôi đang hướng dẫn địa hình cho ông và 1 HSQ nữa. Chúng tôi lập tức quay lại, tản ra và phản công. Bọn VC bắn lén mấy phát không trúng ai nên nằm im. Chúng tôi cũng im lặng ần ần. Sau một lúc, tôi ra thủ lệnh cho 1 toán 5 người bí mật vòng qua một bên lục soát. Tôi tiếp tục cho toán sau vòng qua một bên nữa nhưng cũng không thấy gì. Có lẽ bọn này chỉ vài ba tên và đã quen với địa hình nên căn trộm không xong thì lui.

Sau trận phục kích hụt, chúng tôi càng thêm quả quyết rằng ĐĐ đã bị theo dõi. Là một cựu SQTT, tôi biết rằng chỉ với 1 radio có băng tần FM rộng dịch quân có thể theo dõi các cuộc trao đổi qua PRC 25. Tất nhiên chúng cũng chẳng lạ gì với những tiếng lóng mà chúng tôi dùng để “mã hóa” khi điện đàm. Với kinh nghiệm của những sĩ quan tham mưu, tôi

và Đ/U Song tổ chức hành quân giả trên máy. Đây là trò chơi khá thú vị. Hai chúng tôi mỗi người một máy PRC 25 trao đổi khi thì nhẹ nhàng, lúc gấp rút, thỉnh thoảng chen vào mấy câu chửi thề ra vẻ như đang tiến quân đến một mục tiêu, nhưng gặp địa thế phức tạp hoặc đi không đúng hướng... “Mục tiêu giả” của chúng tôi là một ngọn đồi thấp có mấy đặc điểm dễ nhận dù là về đêm. Ngọn đồi này có đường “xe be” qua ngay dưới chân, cách căn cứ không quá 3km, nghĩa là nằm trong tầm yểm trợ của cối 60 ly. Chúng tôi cố gắng mô tả thật rõ ràng mục tiêu, rõ ràng tới mức dù không phải là lính cũng hiểu được, mục đích cho địch biết chúng tôi đang huấn luyện lính hành quân. Điều này, như phỏng đoán, sẽ khiến địch dễ dàng điều động để lập một trận phục kích quy mô. Tất nhiên, chúng tôi đã lập sẵn kế hoạch đối phó, kể cả chắm mục tiêu xin Pháo Binh yểm trợ.

5 giờ chiều 2 tiểu đội Trinh Sát và 2 toán Viễn Thám lần lượt đến mục tiêu (thật), theo đúng kế hoạch. Khi đến nơi họ cũng căng lều, đào hố cá nhân và nấu nướng, nhưng “đồ chơi” bữa nay bày ra không phải mìn Claymore, cũng chẳng có lựu đạn, mà toàn mìn chiếu sáng, mục đích là để phát giác mục tiêu khi vướng bẫy. Sau khi giăng “đồ chơi” đây ở những đường tới chỗ các toán vừa đóng quân, các toán lần lượt âm thầm rút lui ra vòng ngoài, đón lòng những nơi nghi ngờ địch quân có thể xuất hiện.

Tám giờ tối, cả 4 toán bắt tay an toàn với Trung Đội yểm trợ. Kinh nghiệm cho chúng tôi thấy nếu gài mìn bẫy trong khu vực đóng quân đêm, sáng ra lính còn nhớ vị trí để gỡ về. Nhưng đôi lúc, nếu trưởng toán hoặc tiểu đội trưởng quên kiểm soát, quên đếm lại mìn, hoặc lựu đạn của lính mang theo cũng dễ bị sót lại. Gài bẫy rồi bỏ đi sau đó mới quay lại là cả một vấn đề nguy hiểm, bởi sau một đêm người lính hầu như không còn để ý đến những gì mình gài lại. Hơn nữa, nhiều người cùng gài thì dễ bị vướng của người kia. Vì thế gài mìn chiếu sáng là biện pháp chắc ăn nhất.

Khoảng 10 giờ đêm, một trái mìn chiếu sáng phụt lên, rồi tiếp theo một trái nữa. 2 trái nằm 2 góc khác nhau chứng tỏ địch phân tán thành nhiều mũi để tấn công. Tôi vội cho bắn 1 trái sáng lên mục tiêu. Kinh nghiệm cho biết khi đựng mìn chiếu sáng, biết là bị lộ địch sẽ nằm im dán người xuống để che dấu. Nhưng khi thấy trái sáng treo lơ lửng phía trên thì chúng nghĩ rằng đang bị quan sát để phân công. Thế nào chúng cũng bắn tới tấp vào mục tiêu, yểm trợ cho nhau rút. Những tiếng súng bắn vội vã theo phản xạ sẽ tiết lộ quân số của chúng!

Quả nhiên từ những toán viên thám báo về cho biết họ đoán chừng một chục tay súng đang hoảng loạn bắn vào “mục tiêu”. Tôi cho 2 cây cối 60 ly dồn dập nhả đạn, mục tiêu đã được chinh trước. Cao độ, thuốc bồi tính toán đầy đủ, chốt an toàn cũng đã rút sẵn, giờ chỉ việc bỏ đạn vô nòng là xong. Trung đội vũ khí nặng thoải mái bắn. Sau 10 phút, 60 trái đạn chuẩn bị trước đã bay hết vô mục tiêu thì đạn 105 ly của Pháo Binh cũng bắt đầu ròn rã nổ trên mục tiêu thật. Tiền đồn báo cáo rằng tiếng súng AK của địch đã im sau mấy loạt đạn súng cối. Như vậy có thể địch đã “dính chấu” hoặc biết là bị động đã lui hết rồi. Tôi điều chỉnh Pháo Binh bắn vào mấy “điểm tiền liệu” rồi ngưng.

Trời còn mờ sương, mấy toán trinh sát và viên thám đã vòng ra chung quanh rồi khép lại mục tiêu đang im lặng như tờ. Một tiểu đội trinh sát đang tiến bỗng một người lính Thượng đánh hơi rồi nói,

- “Có mùi máu gần đây.”

Trưởng toán bèn bố trí 3 người ở lại rồi kéo thêm 3 người nữa đi theo người lính Thượng tiến lại chỗ hấn đánh hơi có mùi, hấn “suyt” một tiếng rồi nói nhỏ,

- “Có nhiều lăm đó Trung Sĩ. Nhưng có lẽ chúng nó chết hết rồi, vì tôi không thấy nó động đậy!”.

Xong anh ta lẳng lẳng tiến về phía trước rồi ngoắc trưởng

toán. Bên một hố đạn súng cối, có xác người văng ra 3 phía. Anh lính Thượng chẳng màng ngó đến xác chết bình tĩnh thu nhặt 3 cây súng vào một chỗ. Toán Viễn Thám kể bên cũng tìm thấy 3 xác nữa chung quanh hố đạn. Như vậy đúng là bọn VC thực hiện quy chế tổ “tam tam”. Vậy thì chắc là còn 1 toán 3 người nữa đã chạy thoát. Cũng chẳng bao lâu 1 toán Viễn Thám nữa báo về có 2 xác chết và 1 tên bị thương nặng. Tôi vội vã nói trên máy,

- “Băng bó cẩn thận cho nó. Để tao gọi trực thăng đưa nó đi.”

- “Chắc nó khó qua lắm!” Người lính báo về.

- “Cứ băng bó cho nó thật cẩn thận, để tao gọi trực thăng, còn nếu nó chết thì tại nó hết số thôi!”

-“Dạ!”

-“Mấy xác chết khác cứ để nguyên vị trí, đừng di chuyển. Súng ống của bọn nó cũng để nguyên chỗ cũ, lát nữa có thể có người đến chụp hình quay phim đó”

- “Dạ! nhận rõ.”

.....

Bên ca cà phê đen người lính mới mang lại, tôi và Đ/U Song ngó nhau bằng cặp mắt kềm nhèm sau một đêm không ngủ. Cả 2 không nói với nhau câu nào. Nhấp hợp cà phê đầu tiên tôi chẳng thấy hương vị gì ngoài vị đắng. Có lẽ người lính quên bỏ đường!



BDQ Đỗ Như Quyên

(Phần 2)

Sứ Vụ Quân Sự Sài Gòn: «Chiến Dịch Huynh Đệ
«và Đại Đội Tự Do, 1954 - 1955. (Saigon Military
Mission (SMM): «Operation Brotherhood» and
Freedom Company, 1954 - 1955).

Trong lúc chiến trường Điện Biên Phủ còn mịt mù trong lửa đạn, Mỹ đưa tới Sài Gòn một sĩ quan Không Quân, được CIA tuyển dụng (Central Intelligence Agency, Cục Tình Báo Trung Ương), giúp chính phủ Quốc Gia Việt Nam về việc chống du kích, chống phản loạn của cộng sản.

Ngày 1/6/1954, Đại Tá Edward Gear Lansdale đến Sài Gòn trên một chiếc thủy phi cơ của Phi Đoàn 31 Hàng Không Cứu Cấp - Biển (31st Air Rescue - Sea Squadron) tại căn cứ không quân Clark ở Phi Luật Tân, cách Sài Gòn khoảng 1.600 km. Ông ta chỉ mang theo một thùng nhỏ đựng hồ sơ, vài bộ áo quần và một máy đánh chữ mượn của người quen. Đây là lần

thứ hai Đại Tá Lansdale đến Việt Nam. Năm 1953, ông đến với vai trò cố vấn cho quân đội Pháp các kinh nghiệm chống du kích. Lần này thì khác, ông cần phải giữ bí mật các việc ông sẽ làm.

Để che đậy sự chú ý của “người ngoài”, Tư Lệnh MAAG - V ở Sài Gòn, Trung Tướng John W. O’Daniel, sắp đặt cho ông ta giữ chức «Phụ Tá Tùy Viên Không Quân» tại Toà Đại Sứ Mỹ (lúc ấy do ông Robert McClintock, Xử Lý Thường Vụ. Đại sứ chính thức là ông Donald Heath đã về Mỹ từ tháng 1/1954). Lúc đó, Sài Gòn, đã có một trạm CIA do ông Emmett McCathay chỉ huy (sau được ông John Anderton thay thế). Hoạt động chính yếu của trạm CIA là theo dõi, thu thập tin tức, v.v... từ những điệp viên của Nga Xô; Trung Cộng đang có mặt tại vùng Đông Pháp, được coi thuộc phạm vi tình báo dân sự. Họ phải thường xuyên gửi các báo cáo về văn phòng trung ương ở Mỹ.

Nhưng trạm CIA thứ hai của Lansdale thì khác, nó sẽ có những hoạt động bán quân sự như tuyên truyền và phản tuyên truyền, chống khủng bố, và gài người hoạt động v.v... ngay trong lãnh thổ do Cộng Sản Việt Minh đang kiểm soát. Trạm của ông Lansdale không lệ thuộc vào hệ thống hàng dọc nào. Ông ta có toàn quyền hành động và chỉ báo cáo trực tiếp với ba người là giám đốc văn phòng trung ương ở Mỹ, viên đại sứ, và tư lệnh MAAG tại Việt Nam mà thôi. Ông ta được đưa đến Sài Gòn để giúp chính phủ Quốc Gia Việt Nam những kế sách, phương thức chống du kích, chống khủng bố, phá hoại v.v của cộng sản mà chính ông đã làm và thành công khi giúp Tổng Thống Ramon F. Magsaysay ở Phi Luật Tân đánh bại phe cộng sản Hukbalahap.

Ngay sau khi tới Sài Gòn, Đại Tá Lansdale đã bắt đầu thiết lập một cơ cấu tình báo nấp dưới tên: Saigon Military Mission (Sứ Vụ Quân Sự Sài Gòn, sẽ ghi tắt là Quân Vụ Sài Gòn hoặc SMM). Bước đầu các thông tin cần thiết nhất về tình hình Việt Nam đương thời sẽ được Bộ Tư Lệnh MAAG cung

cấp, từ văn phòng Cơ Quan Thông Tin Liên Bang (United States Information Services - USIS) ở Sài Gòn, do ông George Hellyen làm Trưởng Phòng (ông này nói tiếng Việt rất giỏi).

Giữa tháng 6/ 1954, qua trung gian của Trung Tá William Rosson bên MAAG, một cuộc họp đã được sắp đặt cho Đại Tá Lansdale; Đại Tá Carbonel của MAAG; Đại Tá Nguyễn Văn Vỹ, Chỉ Huy Trưởng Ngự Lâm Quân Việt Nam (?- tháng 6/ 1954 chưa lên tướng). Cuối tháng 6, Đại Tá Nguyễn Văn Vỹ giới thiệu ông Lansdale làm cố vấn cho Đại Úy Phạm Xuân Giai thuộc Phòng 5, Bộ Tổng Tham Muu/ Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Kể từ giai đoạn này, ông Lansdale bắt đầu phối hợp với quân đội quốc gia, chuyên viên đặc biệt Đài Loan; Phi Luật Tân cùng hợp tác cho một kế hoạch chung được đặt tên Chiến Dịch Huynh Đệ (Operation Brotherhood), một đơn vị bí mật là Đại Đội Tự Do (Freedom Company) sẽ thành lập trong tháng 9/ 1954.

Lúc bấy giờ ở Sài Gòn đã có nhiều phóng viên báo chí quốc tế, đại diện những hãng thông tấn v.v... lập văn phòng thường trực để theo sát các diễn biến thời cuộc tại Việt Nam. Ông Lansdale thường phải nghe những câu hỏi, thắc mắc của giới này, đã nhiều lần phủ nhận điều họ nghi ngờ ông làm việc cho CIA và xác nhận mình làm việc ở Toà Đại Sứ với một vai trò khiêm nhường. Để chứng tỏ mình không có gì để che giấu, ông ta công khai thuê một căn nhà để sống ở số 51 đường Duy Tân, Sài Gòn.

Ngày 27/ 6/ 1954, Đại Tá Edward G. Lansdale đến thăm Thủ Tướng Ngô Đình Diệm.

Ngày 1/ 7/ 1954, CIA tăng cường cho Quân Vụ Sài Gòn một người nữa là Thiếu Tá Lucien E. Conein, giấy tờ ghi là quân nhân cơ hữu của MAAG. Ông này đã từng hoạt động bí mật trên đất Pháp lúc Đức còn chiếm đóng, đã tổ chức những toán kháng chiến người Pháp hoạt động sau lưng địch, rất giỏi trong lãnh vực phản tuyên truyền, phá hoại, gây rối loạn,

hoang mang về tâm lý cho đối phương.

Chạy Đua Giữa Thời Và Thế.

Ngay sau khi Điện Biên Phủ thất thủ vào ngày 5/ 7, hội nghị về Đông Pháp đang xúc tiến thì Quân Vụ Sài Gòn gấp rút làm việc tối đa. Trước khi bản hiệp định được các bên ký kết, SMM phải chuẩn bị xong mọi việc có lợi cho chính phủ quốc gia và cả phía Mỹ nữa. Tuy nhiên trở ngại lớn nhất mà Quân Vụ Sài Gòn rất lo lắng là thiếu nhân sự. Các kế hoạch dự trù để hoạt động đã có sẵn, vậy mà họ không đủ người cho những vị trí cần thiết như kế hoạch đòi hỏi.

Ngày 25/ 7/, Đại Tá Lansdale cầu cứu với Bộ Tư Lệnh MAAG ở Sài Gòn. Ông cho biết nếu tình trạng này kéo dài thì các kế hoạch sẽ vô dụng vì bản hiệp định bắt đầu có hiệu lực vào ngày 11/ 8/



Đại Tá Edward G. Lansdale

1954. Trung Tướng John W. O'Daniel ngay lập tức gửi về Bộ Quốc Phòng một công điện khẩn, trong đó ông yêu cầu nơi đây và các cơ quan liên đới phải đáp ứng và nên quan tâm nhiều hơn về SMM ở Sài Gòn. Kết quả Bộ Tư Lệnh Hạm Đội Thái Bình Dương đã gửi đi những thông báo nội bộ, chỉ thị để các đơn vị trực thuộc tìm những sĩ quan ưu tú nhất đang có mặt trong vùng Thái Bình Dương, kêu gọi họ tình nguyện đến làm việc ở Việt Nam.

Những người được chọn cần phải có kinh nghiệm chuyên môn, phải am tường và hiểu biết tổng quát về lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ v.v của các nước vùng Đông Nam Á. Ngoài ra họ cũng phải có kinh nghiệm đối phó với cộng sản về chiến tranh tâm lý và tình báo. Đầu tháng 8/ 1954, sau các cuộc tìm kiếm, phỏng vấn ở Hawaii, Phi Luật Tân, Đài Loan, Đại Hàn,

Okinawa thì CIA tuyển được 17 người, sau đó tất cả được gọi đến Sài Gòn trình diện Bộ Tư Lệnh MAAG theo giấy tờ «chính thức». Số sĩ quan tăng cường cho Quân Vụ Saigon gồm có 10 người (danh tính những người còn lại đã bị che trong hồ sơ giải mật).

Việc yểm trợ cho Quân Vụ Sài Gòn, vấn đề vận chuyển bằng đường không cho kế hoạch sẽ do máy bay của “hãng” Civil Air Transport (CAT) đảm nhận (CAT thực ra là của CIA, về sau được đổi tên thành Air American). Để nguy trang cho các hoạt động của mình ở Việt Nam, CIA đặt tên cho hồ sơ của địa bàn này là Combined Area Studies (CAS), hồ sơ về văn phòng CIA tại Sài Gòn được nguy trang dưới tên Office of Special Assistance (OSA), hồ sơ bảo mật danh tính cho nhân viên hoạt động ở Việt Nam thì mang tên Controlled American Source (CAS *).

Giữa tháng 8/ 1954, lần đầu tiên hàng loạt truyền đơn được tung ra ở miền Bắc.

Trong khi thúc đẩy những hoạt động của Quân Vụ Sài Gòn, Đại Tá Lansdale cũng thường lo lắng nghĩ đến vấn đề bảo vệ an ninh cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Vì thế ông qua Manila, bí mật thoả hiệp riêng với Tổng Thống Ramon Magsaysay để hỗ trợ chuyện này. Vị lãnh đạo nước Phi Luật Tân sau đó cử qua Sài Gòn Đại Tá Napoleon D. Valeriano và ba sĩ quan thân tín. Những người này đã giúp Phủ Thủ Tướng lập được một đơn vị bảo vệ an ninh cấp tiểu đoàn (tiền thân của Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống).

Tính đến cuối tháng 8/ 1954, cơ cấu Quân Vụ Sài Gòn đã tạo được một quyền hạn riêng biệt đối với MAAG, lập được một uy tín đầy tin cậy với chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Mạng lưới hoạt động của nó nối kết nhiều nơi tại Á Châu, thiết lập đường dây «nóng» về thủ đô của Mỹ và các thủ đô ở vùng Thái Bình Dương (ngoài MAAG ở Việt Nam, Mỹ cũng lập MAAG ở Đại Hàn, Đài Loan, Thái Lan, Lào, Cam Bốt,

Phi Luật Tân, riêng Vương Quốc Anh cũng có ở Sài Gòn: «Sứ Vụ Cố Vấn Anh tại Nam - Việt Nam» do ông Robert Thompson làm Trưởng Đoàn (British Advisory Mission to South - Vietnam , BRIAM - SVN).

Đại Đội Tự Do (Freedom Company).

Đầu tháng 9/ 1954, Thiếu Tá Lucien E. Conein ra Hà Nội lập một Bộ Chỉ Huy SMM cho khu vực miền Bắc, một trạm liên lạc ở thành phố Hải Phòng. Nhờ sự giúp sức của Phòng 2 Bộ TTM, phía Mỹ đã tuyển được 13 người tình nguyện ở lại hoạt động, nhóm này được đặt tên là Toán Bình (hầu hết những người được tuyển chọn đều nằm trong số người chờ di cư ở Hải Phòng, hoặc ngay tại Sài Gòn lúc họ vừa mới vào Nam, phần đông thuộc Đại Việt Quốc Dân Đảng và đều có gốc Bắc). Toán Bình sau đó được Trung Úy Andrews hướng dẫn tập trung đến bến cảng rồi biến mất dưới các tàu vận tải thuộc Lực Lượng Hải Quân Đặc Nhiệm 90. Tiếp đó họ được chuyển tới một căn nhà bí mật ở Vũng Tàu để được huấn luyện.

Toán Bình học kỹ thuật in ấn thủ công và những cách rải truyền đơn, phương pháp tạo tin đồn và tung tin đồn, cách ngụy trang hình dáng, làm thế nào để di chuyển cùng với vũ khí, thuốc nổ được an toàn đến địa điểm ấn định v.v... Cuối tháng 9, Toán Bình được chở về Hải Phòng, nơi họ bắt đầu tỏa ra và biến mất trong đám đông người chờ di cư. Toán Bình được một người mang bí danh Đinh Triệu chỉ huy, người liên lạc và yểm trợ là Đại Úy Arundel. Kể từ đầu tháng 10/ 1954, Toán Bình bắt đầu tung ra truyền đơn và đủ thứ tin đồn.

Quả thật các thứ tin đồn đã làm dân chúng ở Hà Nội; Hải Dương; Nam Định v.v xôn xao bàn tán. Nó gây hoang mang trong dư luận miền Bắc, tới mức một đài phát thanh của Việt Minh đặt gần biên giới phải lên tiếng đính chính. Nhưng dân chúng vẫn không tin, họ còn cho rằng đài đó là của Pháp vì Việt Minh làm gì có đài phát thanh! Ngoài ra, Bình cũng có nhiệm vụ tìm cách phá hoại những nơi chứa nhiên

liệu, đạn dược, đốt phá nhà ga, nhà máy điện, đường ray v.v... Họ đã được một toán chuyên viên người Đài Loan do CIA mướn đến Hải Phòng hướng dẫn.

Cùng lúc đó ở Sài Gòn, trong tháng 9/ 1954 nhân viên an ninh của Thiếu Tướng Nguyễn Văn Võ phối hợp với Trung



*Dân tỵ nạn đang rời tàu USS
Bayfield*

Tá Raymond Wittmayer tuyển được 21 người. Nhóm này do Thiếu Tá Fred Allen, Trung Úy Edward Williams chỉ huy và được đặt tên là Toán Hoà. Ở Sài Gòn họ được chia ra thành những tổ hoạt động riêng lẻ, có nhiệm vụ trà trộn đến các địa điểm tập kết của Cộng Sản Việt Minh để tung ra những tin đồn gây tâm lý bất an cho người muốn ra Bắc. Ngày 23/11/ 1954, Toán Hoà cùng hai đầu bếp giả dạng làm phu khuôn vác ở bến tàu, họ lẫn lộn trong đám đông rời biển mất dưới các hầm tàu mới chở người di cư cập bến. Từng người trong họ được Thiếu Tá Allen cho biết trước tên con tàu mình phải xuống, tìm nơi ẩn nấp và chờ người đến liên lạc. Khi những chiếc tàu này ra khơi, Toán Hoà sẽ được gom lại và chuyển qua tàu hải quân chở tới phi trường quân sự Clark ở Phi Luật Tân. Tại đây cả toán được đưa đến một khu vực biệt lập nằm trong một thung lũng vắng vẻ, chương trình huấn luyện cho họ sẽ do hai Thiếu Tá Bohanan và John Wachtel của SMM chịu trách nhiệm.

Trong thời gian Toán Hoà được huấn luyện, những thứ cần thiết cho hoạt động của họ sau này cũng bắt đầu đưa tới Sài Gòn trong những kiện hàng, thùng giấy có bề ngoài nhìn rất

«dân sự», việc vận chuyển do Không Đoàn 581 ở phi trường Clark đảm trách. Mỗi khi hàng tới, bộ chỉ huy Quân Vụ Sài Gòn cử các sĩ quan của họ đích thân ra phi trường ký nhận, chính những sĩ quan này cũng tự mình đem hàng xuống, người lạ không được phép đến gần khu vực. Đôi khi họ phải làm cật lực suốt đêm mới chuyển hết hàng tấn hàng đến nơi an toàn trước khi trời sáng.

Những Anh Hùng Vô Danh Đi Vào Nơi Bóng Tối.

Bắt đầu từ ngày 31/ 1/ 1955, các trang bị dành cho Đại Đội Tự Do lần lượt được chở ra Hải Phòng bằng máy bay của «hãng» Civil Air Transport (CAT). Để chuẩn bị việc phân tán số hàng nói trên, Thiếu Tá L. Conein đã triệu tập một cuộc họp với Toán Bình ở Hải Phòng. Cả toán được cho biết họ có trách nhiệm bí mật phân tán một số vật dụng đến nhiều địa điểm khác nhau. Ngoài ra, Toán Bình cũng được cho biết trước vài điểm hẹn bên bờ sông Hồng, sẽ có tàu loại nhỏ của hải quân Mỹ giả làm tàu tuần, xuất phát từ Hải Phòng đi ngược dòng sông chở hàng đến trao cho họ tại những tọa độ đã giao ước. Họ phải sống và xử sự như những người dân bình thường, tùy theo từng nơi hoạt động sẽ được cung cấp các loại giấy tờ hợp lệ của Cộng Sản Việt Minh để tiện cho việc di chuyển. Toán Bình có 30 ngày để hoàn tất công tác phân tán những vật dụng trang bị đang có ở Hải Phòng.

Ngày 16/4/1955, sau khi học xong chương trình huấn luyện, Toán Hòa được tàu hải quân chở đến Hải Phòng. Họ lên bờ với quần áo như những người dân khác rồi biến mất trong đám đông để tìm tới các địa điểm đã ghi nhớ trong đầu. Ngày 16/5/1955, lúc Việt Minh đến tiếp nhận thành phố Hải Phòng thì cả hai toán Hoà - Bình không còn để lại tông tích nào trên đất Bắc.

Tổng số lượng quân dụng trang bị cho Đại Đội Tự Do nặng khoảng 8 tấn rưỡi với 300 súng Carbine, 50 súng ngắn, 14 máy vô tuyến cá nhân, 90.000 viên đạn Carbine, 10.000 viên đạn

súng ngắn, 200 kg thuốc nổ v.v... Hơn 2 tấn rưỡi được chuyển ra khỏi Hải Phòng bằng đường bộ, gần 6 tấn còn lại do tàu tuần của Mỹ đưa đến các điểm hẹn đã báo trước. Phần lớn số vũ khí trang bị nêu trên được giấu trong các quan tài rồi chôn tại nhiều nghĩa địa khác nhau.

Cuối năm 1956 Đại Tá Lansdale rời Việt Nam, Saigon Military Mission được giải tán. Tháng 4/ 1960 ông được thăng cấp Thiếu Tướng, giữ chức Thứ Trưởng Bộ Quốc Phòng đặc trách Hành Quân Đặc Biệt và về hưu năm 1968 (Ông Edward G. Lansdale sinh ngày 6/ 2/ 1908, qua đời ngày 23/ 2/ 1987. Ông là tác giả cuốn In The Midst Of Wars - An Americans Mission to Southeast Asia, do Harper & Row, San Fransisco xuất bản năm 1972).

NHỮNG TẮM LÒNG NHÂN ÁI.

1. Bà Vũ Thị Ngãi (Madame Ngãi): Bà sinh năm 1905 trong một gia đình giàu có ở tỉnh Thanh Hoá. Năm 1946, cộng sản phát động khủng bố sát hại nhiều người ở khắp tỉnh, chồng bà cũng bị cộng sản giết chết vào lúc này. Sau khi gởi hai người con đi lánh nạn bên Pháp, bà Vũ Thị Ngãi ở lại và bắt đầu làm việc từ thiện, cứu giúp những trẻ em bất hạnh bị bỏ rơi vì loạn lạc. Bà đích thân hoặc nhờ người đi tìm đem về căn nhà rộng lớn của mình nuôi những trẻ em mồ côi cha mẹ, bị thất lạc người thân vì chiến cuộc, các em sống lang thang xin ăn ở bến xe, chợ buá, những em bị bỏ rơi bên lề đường vì tật nguyền v.v. Tính đến cuối năm 1947, bà đã đem về nhà nuôi gần 600 em có hoàn cảnh nêu trên.

Năm 1948, thị xã Thanh Hoá trở thành nơi nhiều nguy hiểm vì Cộng Sản Việt Nam thường xuyên khủng bố, giết hại dân lành khắp nơi. Bà Vũ Thị Ngãi buộc phải bán hết nhà cửa, tư trang tìm đến thị xã Nam Định mua một căn nhà khác để tiếp tục việc làm từ thiện của mình. Năm 1949, cộng sản đánh phá Nam Định, bà phải mang hơn 1.000 em nhỏ dọn tới Hải Phòng. Hơn một nửa trong số này là những em bị mù, bị bại liệt, bị gù lưng, bị câm, điếc hoặc ghẻ lở v.v. Tại

Hải Phòng, bà được ông thị trưởng tạm cấp một căn nhà ở An Lạc, được giúp một phần lương thực cứu tế, thuốc men, điện và nước được cung cấp miễn phí. Năm 1954, khi chiến trường Điện Biên Phủ diễn ra, người Pháp đã đến chiếm căn nhà với lý do họ cần nơi điều trị cho quân nhân bị thương đưa về từ chiến trường. Lúc này số trẻ em mà bà cuu mang đã lên tới gần 1.200. Một lần nữa bà Vũ Thị Ngãi phải vất vả đi tìm một căn nhà nhỏ hơn để các em có nơi nương náu.

Sau ngày các đơn vị thuộc Lực Lượng Hải Quân Đặc Nhiệm 90 của Mỹ đến Hải Phòng, những trại lều được dựng lên thì bà Vũ Thị Ngãi cũng lặn lội đến các trại, vừa làm việc thiện nguyện vừa tìm kiếm các em bé bất hạnh không có ai để nương tựa trong lớp lớp sóng người chờ di cư. Ở đây, bà cũng được sự giúp đỡ của những vị như bác sĩ Phạm Văn Huyền, bác sĩ Phạm Hữu Chương, ông Mai Văn Hàm, ông Bùi Văn Lương, ông Ngô Ngọc Đồi v.v.

Qua nhiều lần tới lui giữa các trại lều, bà gặp được một Trung Úy Quân Y Hải Quân, bác sĩ Thomas A. Dooley và mời ông này tới viếng thăm «cô nhi viện» của mình ở An Lạc. Vị bác sĩ này rất xúc động và cảm phục lúc biết việc làm đầy tình người của bà Vũ Thị Ngãi. Ông viết thư kể rõ sự tình và gửi đến trường đại học University of Notre Dame ở tiểu bang Indiana. Các giáo sư và sinh viên tại trường sau khi đọc thư, họ mới biết ở Hải Phòng Việt Nam đang có một «viện mồ côi lưu động» trong loạn lạc như thế. Bà Erma Konya làm đại diện cho trường đứng ra tổ chức các cuộc lạc quyên vì nhân đạo, sau đó gửi tặng «viện mồ côi» của bà Vũ Thị Ngãi khoảng 40 thùng quà gồm có áo quần trẻ em, âu dục, giày vớ, kẹo bánh, sách vở thiếu nhi, và cả các thứ đồ chơi cho trẻ con v.v... Cũng trong lúc đó, những thủy thủ Mỹ ở Hải Phòng đã giúp thêm cho «viện mồ côi» này bánh mì, sữa bột, thịt đóng hộp, xà phòng, và 400 Mỹ kim do thủy thủ quyên góp.

Đầu tháng 3/ 1955, đại diện của Mỹ và Pháp ở Hải Phòng

vài lần đến thúc hối bà Vũ Thị Ngãi nên đưa các em xuống tàu vào Nam, nhưng bà vẫn chưa chịu ra đi. Bà cho biết mình cần ở lại vì muốn tìm cho hết những em bị bỏ quên đâu đó trong các trại lều. Mãi tới giữa tháng 4/ 1955, khi có tin cộng sản sẽ vào Hải Phòng trong tháng 5, bà Vũ Thị Ngãi mới chịu đưa đàn con mình xuống tàu. Chiếc tàu USS General Brewster rời Vịnh Hạ Long và chở gần 1.500 người, trong đó có “viện mồ cô” của bà Vũ Thị Ngãi, đến được bến bờ tự do ở miền Nam Việt Nam. Tại Sài Gòn, “phái đoàn mồ cô” của bà Vũ Thị Ngãi được đại diện chính phủ và các hội từ thiện đón tiếp trang trọng. Với sự trợ giúp của Phủ Tổng Ủy Di Cư - Ty Nạn, các hội từ thiện và sự bảo trợ từ cơ quan USOM, bà Vũ Thị Ngãi và các em mồ cô được tạm cấp một căn nhà, nơi đây sẽ trở thành Viện Mồ Cô An Lạc do bà sáng lập.

2. Bà Betty Mohl Tisdale:

Vào năm 1961, một phụ nữ người Mỹ là bà Betty Mohl Tisdale (sinh năm 1923), sau khi được đọc các câu chuyện viết về bà Vũ Thị Ngãi ở Việt Nam và các trẻ mồ cô, đã đến Sài Gòn tìm thăm viện mồ cô này. Khi thấy được các hình ảnh thực tế về «Viện Mồ Cô An Lạc» với quá nhiều thiếu thốn, bà Betty M. Tisdale trở về Mỹ, chính thức bỏ nghề nghiệp của mình tại tiểu bang George và đứng ra vận động công chúng cứu giúp cho trẻ mồ cô của bà Vũ Thị Ngãi. Từ đó bà Tisdale thường qua Sài Gòn làm việc thiện nguyện ở Viện Mồ Cô An Lạc. Chính ở nơi đây bà đã gặp một Đại Úy Quân Y, bác sĩ Patrick Tisdale, một trong số những quân nhân Mỹ hay đến giúp khám bệnh cho các em mồ cô. Hai người trở thành vợ chồng và cũng trở thành hai vị bảo trợ đáng kính của Viện Mồ Cô An Lạc (suốt thời gian làm thiện nguyện nơi đây, vợ chồng ông bà đã quyên góp được hơn 350.000 mỹ kim cho Viện Mồ Cô An Lạc, ông Patrick Tisdale về hưu với cấp bậc Đại Tá).

Ngày 10/4/1975, trước sự đe dọa của ngọn sóng đỏ Cộng Sản, bà Tisdale cố gắng liên lạc và vận động Toà Đại Sứ

Mỹ ở Sài Gòn giúp phương tiện di tản các trẻ em mồ côi của bà Vũ Thị Ngãi. Ngày 12/ 4/ 1975, tờ nhật báo Columbus Enquirer - Ledger ở Columbus tiểu bang George đăng một bản tin về một chuyến bay chở trẻ em mồ côi từ Sài Gòn sẽ tới



Tiến người thân di cư vào Nam tại Hải Phòng. Trong số họ có bao nhiêu người còn gặp lại được người thân, sau một cuộc chia lìa Nam Bắc kéo dài suốt 21 năm tiếp theo?

Columbus trong ngày hôm đó. Cũng trong ngày 12/ 4/ 1975, chuyến bay nói trên đáp xuống phi trường Los Angeles tiểu bang California cùng với 219 em nhỏ của Viện Mồ Côi An Lạc. Trong cuộc hành trình từ Sài Gòn đến Mỹ, có một em qua đời vì bệnh nặng. Máy bay sau đó tiếp tục cất cách chở các em đến George, một số trong đó vì quá yếu sức nên được gửi lại bệnh viện trường đại học UCLA để điều trị.

Riêng bà Vũ Thị Ngãi vẫn ở lại Sài Gòn dù biết tính mạng mình sẽ gặp nguy hiểm bởi cộng sản. Cuối cùng nhờ sự vận động của bà Tisdale với Toà Đại Sứ, bà Vũ Thị Ngãi được đưa ra khỏi Sài Gòn đến đảo Guam trong ngày 20/ 4. Bà được vợ chồng ông bà Betty và Patrick Tisdale bảo lãnh vào Mỹ và đến Columbus, George đúng vào ngày 30/ 4/ 1975. Vợ chồng ân nhân bảo trợ đã xây riêng cho bà Vũ Thị Ngãi một căn nhà nhỏ xinh xắn ngay trong ngôi vườn của mình. Bà

sống ở đây được ba năm và qua đời năm 1978, hưởng thọ 73 tuổi.

o O o

Lúc «Chiến Dịch Vượt Đến Tự Do» bắt đầu được thực hiện thì Trung Úy Thomas A. Dooley đang tòng sự tại căn cứ Yokosuka, Nhật Bản. Tháng 8/ 1954, cùng với một số sĩ quan quân y khác ở Hawaii, Phi Luật Tân, Okinawa, ông được điều động tới Hải Phòng để làm việc trên vận tải hạm USS Montague trong Vịnh Hạ Long. Nhiệm vụ của ông là khám tổng quát cho những người di cư sắp được chuyển ra tàu lớn, khi trở về tàu thì ông vẫn khám tiếp cho những ai muốn xin được khám bệnh. Nhờ nói được tiếng Tây khá lưu loát, ông lại nhận thêm trách nhiệm làm thông dịch viên Anh - Pháp cho các đội tàu nhỏ chuyển người từ bờ ra tàu lớn. Ông rất sốt sắng trong công việc, gần gũi với mọi người, không ngại ngần khi tiếp xúc với người tỵ nạn mà không ít người trong số họ áo quần bẩn thỉu, hôi hám sau những ngày đêm lặn lội tìm đến Hải Phòng với đôi chân lở loét. Cuối tháng 9/ 1954, ông được chỉ định làm bác sĩ thường trực trong đội Quân Y Hải Quân - Bờ. Đêm xuống thì về ngủ trong khu vực quân sự ở cảng Hải Phòng, trời sáng thì cùng những bác sĩ khác toả ra làm phận sự tại các lều y tế đã được dựng lên ở ngoại ô thành phố. Kể từ tháng 11/ 1954, ông trở thành vị sĩ quan chỉ huy của đội quân y hoạt động ở các trại lều.

Tình Nhân Đạo Không Có Biên Cương.

Thời gian làm việc ở các trại, ông Thomas A. Dooley mới cảm nhận được, mới thấm thía sâu xa về sự khổ đau tận cùng của dân tộc một đất nước vừa bị thực dân bóc lột tàn tệ, vừa bị cộng sản man rợ gây ra nhiều thảm cảnh đau thương. Ông đã chứng kiến, đã nghe người chạy nạn kể lại những hành động tàn ác của cộng sản mỗi khi chúng bắt được ai cố tình muốn vào Nam. Nếu nạn nhân là người theo đạo công giáo thì họ

phải chịu sự hành hạ đau đớn nhiều hơn như cắt bàn chân, xẻo tai, đâm mù mắt, chọc thủng lỗ tai, treo hồng mắt đất v.v bất kể đó là người lớn hay trẻ em. Bên cạnh các cách tra tấn tàn bạo đó, cộng sản còn cho cán bộ đi tuyên truyền láo khoét khắp nơi. Nào là người Mỹ hút máu người và ăn sống trẻ con, Mỹ lén bỏ thuốc độc vào nước uống ở các trại làm nhiều người bị bệnh, cố tình xịt thuốc độc lên người đến trại làm họ bị phỏng và lở loét, Mỹ và Pháp cố tình bắt cóc người cưỡng bức di cư xuống tàu, ai ở trên tàu say sòng sẽ bị ném xuống biển, Mỹ là nước tư bản nên cần người qua đó làm cu li, thanh niên khoẻ mạnh sẽ bị đưa đi cạo mũ cao su v.v và v.v

Chính những bác sĩ Mỹ và ngay cả ông Thomas A. Dooley cũng vài lần thành nạn nhân về sự tuyên truyền của cộng sản. Có một lần, sau khi chích Penicillin cho một em nhỏ bị ghẻ lở khắp mình thì em bị co giật và khóc thét. Bà mẹ em gào lên, chụp một khúc củi đánh tới tấp làm ông bị bầm mắt. Sáng hôm sau, bà mẹ này đầm đìa nước mắt, quỳ xuống trước mặt ông Thomas Dolley xin nhận lỗi vì đã hiểu lầm. Bác sĩ Gleason một lần vắc bình thuốc DDT đi xịt quanh trại, có mấy đứa nhỏ chạy theo đùa giỡn, thấy vui ông đưa cân phun thuốc về phía các em. Ông này bị một lúc mấy bà mẹ rượt đánh vì tưởng ông xịt thuốc độc lên con họ! Chuyện này xảy ra thường xuyên trong vài tháng đầu vì ngày nào cũng có hàng ngàn người từ xa mới đến, chưa được hướng dẫn đầy đủ. Các quân nhân Mỹ phải mỉm cười thông cảm, họ chịu đựng và giữ hoà nhã để làm điều thiện. Những chuyện hiểu lầm «bá láp» như vậy rồi cũng không còn nữa. Ban đại diện trại lập ra nhiều tổ nhỏ đi giải thích cho người mới đến các điều cần biết trong lúc sống tạm ở trại lều.

Trung Úy Thomas A. Doolley cùng các bác sĩ, y tá trong toán quân y và những quân nhân khác của Mỹ phục vụ ở Hải Phòng, từ bến tàu vận chuyển cho đến các trại lều, tất cả đã tận tâm, tận lực đem hết khả năng để giúp người tỵ nạn voi bót những khổ đau, hết lo lắng, tự tin hơn ở tương lai sau nhiều

ngày đêm trốn tránh các hiểm nguy mà cộng sản đã dành cho họ trên đường vượt thoát. Ngày 12/ 5/ 1955, bác sĩ Doolley cùng toán quân y rời Hải Phòng ra tàu lớn, ngày đầu lên bờ ông cân nặng 180 pounds, ngày rời miền Bắc Việt Nam ông chỉ còn 120 pounds. Từng người trong họ ai cũng mang nét mặt buồn thảm, lắc đầu thờ dài vì biết chắc vẫn còn rất nhiều người muốn ra đi nhưng thời hạn «tự do di chuyển» thì quá ngắn. Cũng trong ngày hôm đó ở Sài Gòn, Phủ Thủ Tướng có quyết định trao tặng huy chương cho nhiều quân nhân thuộc Lực Lượng Hải Quân Đặc Nhiệm 90. Riêng Trung Úy Quân Y Hải Quân Thomas A. Doolley, chính đích thân Thủ Tướng Ngô Đình Diệm ân tặng Chương Mỹ Bội Tinh cho ông trong một buổi lễ tại Sài Gòn.

Việc ghi thêm về hoạt động của Mỹ ở Hải Phòng từ tháng 8/ 1954 đến tháng 5/ 1955, chúng tôi thấy không cần thiết vì chẳng thể nói hết được công việc mà những ân nhân ấy đã làm. Sáu mươi năm đã trôi qua trong lịch sử kể từ năm 1954. Những người xưa của Lực Lượng TF 90 nay đã ngoài 80 tuổi trở lên. Dù ai vẫn còn, hoặc người đã về nơi khuất bóng thì những gì đã ghi ra nơi đây, được xem như lời tri ân chung kính gửi đến quý ân nhân, những người có một thời đã san sẻ một phần khổ đau của đồng bào Việt Nam chúng tôi.

Riêng Trung Úy Doolley, sau ngày về Mỹ đã viết một cuốn sách kể lại những gì ông mắt thấy tai nghe tại Hải Phòng. **Cuốn: “Deliver Us From Evil” - Đem Chúng Tôi Ra Khỏi Sự Dữ (Berkley Publishing Corp, 1956) đã làm công chúng Mỹ nói riêng, công luận khắp thế giới nói chung, hiểu biết thêm về sự tàn độc vô nhân tính của Cộng Sản Việt Nam.** Doolley về sau rất lỳ kỳ. Vì một nguyên nhân rất tế nhị, ông hợp tác với CIA qua sắp đặt của Đại Tá Lansdale, đến vùng rừng núi Nam Tha ở Lào lập một bệnh xá giáp biên giới với Trung Cộng. Năm 1959 ông phải trở về Mỹ vì mắc bệnh ung thư. (Bác sĩ Doolley sinh ngày 17/ 1/ 1927, qua đời ngày

18/ 1/ 1961, hưởng dương 34 tuổi. Ngày ông qua đời, cũng là ngày cộng sản tràn ngập bệnh xá của ông ở Nam Tha.)

Những Bàn Tay Độc Ác.

Giáo phận Phát Diệm thuộc huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình, nằm về hướng Nam - Hà Nội và Hải Phòng khoảng hơn 100 km.



Bà Betty Lisdale, thiên thần của trẻ mồ côi VN, sau 35 năm hội ngộ.

Từ ngày 30/ 6/ 1954, Giám Mục Lê Hữu Từ đã cho giáo dân di cư vào Nam. Ông đã cùng với 10 linh mục, khoảng 15 chủng sinh và 183 nữ tu xuống tàu nhỏ đi trước ở cầu Trì Chính, theo đường sông ra biển để lên tàu lớn. Tính tới ngày 11/7, Phát Diệm đã có khoảng 60.000 giáo dân, 124 linh mục đã vô được miền Nam. Sau ngày này, giáo dân vẫn còn tiếp tục ra đi, vừa bằng ghe nhỏ đi ra Hải Phòng hoặc bằng đường bộ về hướng Hà Nội.

Nhưng đến ngày 20/ 10/ 1954, Ủy Ban Di Tàn Người Việt Nam Ty Nạn ở Hải Phòng nhận được tin báo: Ở Phát Diệm vẫn còn hơn 20.000 người muốn ra đi nhưng không được. Bộ đội cộng sản đã lập nhiều trạm gác quanh vùng này và không cho ai được rời Phát Diệm, Quốc Lộ 10 đi Hà Nội cũng bị cộng

sản cảm lưu thông». Một cuộc họp giữa các đại diện Việt, Pháp, Mỹ được tổ chức tại Hải Phòng, sau đó đề ra cách giải thoát người ở Phát Diệm. Những bức điện tố cáo sự vi phạm của Cộng Sản Việt Minh được gửi đi các nơi để báo động dư luận, kể cả gửi cho đại diện ICSC ở Hải Phòng, Hà Nội, và Sài Gòn. Cùng lúc đó, vài giáo dân tin cần được phái tới Phát Diệm bằng đường biển để báo một tin mật:

«Kể từ ngày 1/11, mọi người hãy tập trung quanh khu vực nhà thờ chánh toà, sẽ có đại diện ICSC tới đưa đi. Dù phái đoàn có đến trễ vài ngày, mọi người phải kiên nhẫn chờ đợi, không nên giải tán.»

Ngày 2/11, cộng sản ở khu vực Phát Diệm cảm thấy có điều gì đó không bình thường. Giáo dân sau khi dự lễ không về nhà như thường lệ, lần này họ ở lại ăn ngủ tại chỗ và số người tụ tập mỗi ngày càng đông dần. Cộng sản ra lệnh báo động trong toàn tỉnh Ninh Bình. Họ đưa thêm nhiều đơn vị đến khu vực, lập thêm nhiều trạm gác và còn ra lệnh các làng lân cận không được đem thức ăn, nước uống vào khu vực nhà thờ Phát Diệm. Mục đích của cộng sản là làm cho mọi người vì thiếu thực phẩm, nước uống sẽ tự động giải tán. Trong khi đó ở Hải Phòng, tổ ICSC vẫn không đi được vì ủy viên Ba Lan cứ thoái thác với lý do không có phương tiện! Ngày 8/11, Bộ Tư Lệnh MAAG ở Sài Gòn báo ra Hải Phòng cho phép được sử dụng hai chiếc trực thăng chở đại diện ICSC tới Phát Diệm, một chiếc của Đệ Đốc Lorenzo Sabin và một chiếc của Đệ Đốc Jean Marie Querville (thời đó trực thăng còn rất hiếm).

Ngày 10/11, trực thăng chở mọi người đáp xuống cách nhà thờ Phát Diệm không xa, phái đoàn tận mắt chứng kiến cảnh gần 20.000 người chen chúc nằm ngời la liệt cả một vùng rộng lớn quanh nhà thờ chính toà. Họ kiệt quệ vì gần 10 ngày qua không có đủ nước uống và thực phẩm vì bị cộng sản bao vây. Đại diện Việt Nam, ISCS liền gửi thông tin về Hải Phòng cũng như gửi thẳng tới phái đoàn CSBV tại Hà Nội để phản đối việc làm đó. Vì bị bắt quả tang nên cộng sản không

thể chối cãi được. Họ ra lệnh cho viên chỉ huy quân sự ở Ninh Bình rút bỏ các trạm gác ngăn chặn người quanh khu vực. Tuy nhiên, bản chất gian manh của cộng sản muôn đời vẫn không thay đổi, họ chấp nhận rút quân không bao vây nữa thì họ lập ra ngay sân nhà thờ cái gọi là «Ủy ban Việt Minh giúp người di chuyển». Nhưng sau khi đóng tiền, lên xe với tờ «giấy di chuyển» có thời hạn 15 ngày, đoàn xe của cộng sản lại lần lượt thay nhau «chết máy», nằm rải rác trên đường lộ. Người dân khôn khổ buộc phải xuống gánh gồng đi tiếp bằng đôi chân, vì họ không thể chậm trễ vì chưa tới Hải Phòng mà «giấy đi đường» hết hạn họ sẽ bị cộng sản chặn bắt lại. Lúc đó, không những mất tiền mà còn mất luôn mạng sống nếu lọt vào tay cộng sản. Phía đại diện ICSC lại lên tiếng phản đối, cộng sản lần này huy động hàng trăm ghe thuyền chở người theo đường sông lên Hà Nội. Tại đây, nếu «giấy đi đường» còn thời hạn thì họ lên xe lửa đi tiếp ra Hải Phòng. Nhưng trong thực tế thì không có bao nhiêu người đến kịp Hải Phòng trước thời hạn. Với hơn 20.000 người ở Phát Diệm muốn ra đi trong sự kiện ngày 1/ 11/ 1954, chỉ có hơn 5.000 người may mắn thoát khỏi tay cộng sản.

Giáo phận Bùi Chu thuộc tỉnh Nam Định, nằm về hướng Nam - Hà Nội và Hải Phòng khoảng hơn 70 km. Ngày 20/ 11/ 1954, đại diện Việt Nam, Mỹ, Pháp ở Hải Phòng nhận được tin tại Bùi Chu vẫn còn hơn 20.000 người bị kẹt lại, họ không thể đến Hải Phòng bằng đường bộ vì cộng sản không cho đi. Một cuộc họp khẩn cấp được triệu tập (không có ICSC) và một kế hoạch cứu người được chuẩn bị chu đáo. Hai giáo dân được trao trách nhiệm đi đường biển tới Bùi Chu báo tin:

«Mọi người có 10 ngày, phải tìm các cách để tiến về bờ biển nơi có làng đánh cá Vạn Lý. Phải cố gắng đến đó tập trung trước ngày 30/11. Đúng 10 giờ tối ngày 30/11, mọi người dùng bất cứ phương tiện gì có thể bơi ra xa bờ vài trăm thước sẽ có tàu đón».

Ngày 29/ 11/ 1954, chiếc tàu công xưởng hạm Jules Verne

của hải quân Pháp đến thả neo cách làng đánh cá Vạn Lý khoảng 4 km, sau đó thấy xuất hiện 4 chiếc tàu loại LSM của hải quân Mỹ chạy tới cập vô hai bên làm như đang sửa tàu. Chiều ngày 30/ 11, chiếc vận tải hạm General Brewster sau khi chở người di cư vô Nam, quay đầu chạy ra Bắc với khoang tàu



Bà Nguyễn Thị Ngãi, người mẹ của ngàn đứa con

trống trơn đến bỏ neo kế chiếc Jules Verne. Đúng 10 giờ tối ngày 30/11, dưới ánh trăng vàng vạc và dưới sự chỉ huy của các linh mục, hàng trăm ghe nhỏ, bè tre, thùng đánh cá, chuỗi cây cột chùm v.v... lặng lẽ cời sóng tiến ra khơi. Ngay lúc này mấy chiếc LSM thông thả chạy vô vớt người đầy tàu rồi lui ra chuyển qua tàu lớn. Cứ như thế suốt đêm, hàng hàng lớp lớp bóng cứ người âm thầm tiến ra biển. Lúc trời sáng tỏ, chiếc General Brewster đã kịp làm bốn chuyến khứ hồi, đưa hơn 6.000 người về Hải Phòng. Tới trưa ngày 1/ 12, nhận thấy cộng sản Việt Minh vẫn chưa hay biết gì, Lực Lượng TF 90 ra lệnh cho tiếp tục vớt người. Lần này tàu Mỹ, tàu Pháp làm việc liên tiếp hai ngày hai đêm cho tới lúc trên bờ chẳng còn ai bơi ra nữa. Số người vớt được ở Bùi Chu đợt thứ hai là 19.000 người.

Hai trường hợp nêu trên tại Phát Diệm; Bùi Chu chỉ là hai trường hợp may mắn rất hiếm hoi trong biển cố di cư 1954.

Kể từ sau tháng 9, khi thấy số người bỏ đi vào miền Nam quá lớn, Cộng Sản Việt Nam bắt đầu tìm cách ngăn cản với đủ trò mưu ma chước quỷ. Không chỉ riêng người theo đạo Thiên

Chúa Giáo , mà bất cứ ai muốn bỏ đi dù là Phật Giáo, đạo thờ cúng ông bà, v.v..., công sản đều ngăn cản, hăm dọa. Cản không được thì ám sát, thủ tiêu không kể già trẻ lớn bé. Phần lớn các cuộc trốn chạy đều trải qua những chặng đường cam go, bi thảm, pháp phòng trong lo sợ vì bóng dáng Cộng Sản Việt Minh chập chờn ẩn hiện khắp nơi.

Tới nay vẫn chưa có một con số chính thức về những nạn nhân bị sát hại, nhưng các nhà nghiên cứu ước tính có khoảng 40.000 người bị cộng sản giết chết vì muốn vào Nam. Ngoài ra cũng có khoảng 1 triệu rưỡi người khác không đi được vì cộng sản cản trở. Những vụ người muốn ra đi bị giết lẽ tẻ một lần vài trăm, trên một ngàn thì xảy ra rất nhiều. Nhưng vẫn không nhiều và tàn ác bằng vụ thảm sát mà cộng sản đã làm ở Thanh Hoá.

Ba Làng là một xứ đạo lớn nằm bên bờ biển xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá. Ngày 28/ 12/ 1954, có gần 20.000 người tập trung biểu tình ở nhà thờ Ba Làng để phản đối cộng sản không cho họ được di cư. Phía cộng sản cử đến một toán bộ đội chửi bới và hăm dọa, sau đó hai bên xảy ra xô xát làm 4 người bị bắn chết, 6 người bị thương. Phía bộ đội cộng sản sau đó bỏ chạy. Nhưng chúng tháo chạy không xa, mà bao vây toàn khu vực và đánh điện ra Hà Nội báo tin. Ngày 29/ 12, Hà Nội cử vô một viên thượng tá ở Cục Chính Trị tên Nguyễn Hữu Vũ, bí danh Nguyễn Sĩ Đồng. Ngày 6/1/1955, tên Thượng Tá Đồng vô tới Bái Thượng Thanh Hoá, nơi có Sư Đoàn CS 330 ở miền Nam mới tập kết ra đóng ở Sầm Sơn, để họp với tư lệnh sư đoàn là Đại Tá CS Đồng Văn Cống.

Ngày 8/ 1/ 1955, dưới sự chỉ huy của tên Đồng, hơn 5.000 bộ đội CS có vũ trang tiến vào bao vây khu vực Ba Làng, bắn không thương tiếc những ai cố chạy thoát ra ngoài. Ngày hôm đó cộng sản giết hơn 200 người, bắt trói đem đi biệt tích khoảng 2.000 người.

Tin tức về vụ tàn sát ở Ba Làng làm chấn động Sài Gòn và

Hải Phòng. Chính phủ Quốc Gia Việt Nam đã lên tiếng tố cáo tội ác cộng sản ở Ba Làng trước dư luận quốc tế, đồng thời yêu cầu ICSC phải điều tra làm sáng tỏ chuyện này.

Khi biết có phái đoàn ICSC sẽ tới Ba Làng điều tra, tên Đồng cho lập ra hai toán đi đón phái đoàn Ủy Hội Quốc Tế. Vài ngày sau, khi chiếc xe chở phái đoàn ICSC vừa vào ranh giới tỉnh Thanh Hoá chưa xa đã bị một toán cướp hung dữ chặn đường. Đám cướp lột hết tư trang của các ủy viên. Lúc chúng sắp ra tay giết bọn họ thì từ xa bỗng xuất hiện một toán bộ đội làm bọn cướp bỏ chạy mất. Sau khi được cứu và được đám bộ đội “cam đoan” sẽ hộ tống đi tiếp tới Ba Làng, nhưng các ủy viên ICSC vẫn nhất quyết quay đầu xe chạy về Hà Nội.

Những ngày tiếp theo, cộng sản cho lập «toà án nhân dân» ở Ba Làng để kết án những người muốn vào Nam. Cộng sản xử bắn 40 người, 2 người chung thân khổ sai, 22 người bị 12 năm khổ sai, 4 người bị 20 năm tù, 60 người khác bị đem đi biệt tích vì cộng sản cho là những kẻ nguy hiểm nhất.

Biến cố thảm sát ở Ba Làng sau đó lan truyền rất nhanh ra miền Bắc, dân chúng xôn xao bàn tán cùng với những lời oán than uất hận. Đầu não cộng sản ở Hà Nội tìm cách đánh lừa dư luận, bằng cách gọi Đồng về, cho lên đại tá và đổi tên thành Đồng Sĩ Nguyên, không cho người này giữ một chức vụ công khai nào, với hy vọng thời gian sẽ làm quên mọi chuyện. Nhưng tội ác đó không thể nào làm người dân quên được, trái lại dân chúng đã truyền tụng một bài thơ tựa như bài «văn tế» sống dành cho kẻ sát nhân đó như sau:

«Đồng Sĩ Nguyên, Nguyễn Sĩ Đồng.

Theo Hồ người giết con chiên Ba Làng.

Tội ác người nhất thế gian.

Trẻ thơ cũng bán già làng cũng dâm.

Cỏ cây cũng phải khóc thảm.

Núi sông cũng phải một lần phong ba.

Đảng người đảng lũ Tàu Nga.
Cộng người cộng máu cộng hoà thịt xương.

*Các người một lũ bất lương.
Cùng quân ăn cướp cùng phường lưu manh.
Đảng người tội ác rành rành. Chúng nhân còn đó sử
xanh ngắt trời.
Lũ người đên tội đời đời»...*

(Khuyết Danh).

Bài «văn tế» sống nêu trên, chúng tôi cũng xin được lấy nó để gởi đến đảng cộng hôm nay ở Việt Nam, vì dù có bao nhiêu năm nữa trôi qua, thì bản chất độc ác, bạo tàn vô nhân tính của người cộng sản vẫn không thay đổi.

Sáu Mươi Năm Tìm Lại, 1954 - 2014.

Tham khảo từ:

- «Cửu Long Cạn Dòng - Biển Đông Dậy Sóng», Ngô Thế Vinh, Văn Nghệ 2000.
- «Deliver Us From Evil», Thomas A. Doolley, Signet Book 1956.
- «Encyclopedia of the Vietnam War», Spencer C. Tucker 2011.
- «Hiệp Định Geneva (20/ 7/ 1954)», Trần Gia Phụng.
- «Hiệp Định Geneva 1954», Nguyễn Anh Tuấn, Sài Gòn 1964.
- «History of the USS Hickman County», Mobile Riverine Force Association/ MRFA@BellSouth.net.
- . “Hồi Ký Lã Quý Ba”, google online.
- “In The Midst Of War - An Americans Mission to Southeast Asia”, Edward G. Lansdale, Harper & Row, San Francisco 1972.
- “Nhìn Lại Cuộc Di Cư 1954 - 1955”, Nguyễn Văn Lục.
- “Number Games: How Many Vietnamese Fled South in 1954 ?”, John Prados. The VVA Veteran (Vietnam Veteran of

America, Jan/Feb 2005.

- “Operation Passage to Freedom: the United States Navy in Vietnam, 1954 - 1955”, Ronald Bruce Frankum, Texas Tech University Press 2007.

- “Passing the Torch”, Vietnam Experience, Boston Publishing Company 1981.

- “The Pentagon Papers”, Bantam Book/ New York Times 1971.

- “Seabees and Operation Passage to Freedom”, Seabeesmagazine, 02/2013.

- “The Two Vietnams: A Political and Military Analysis”, Bernard B. Fall, Westview Press (04/1985).

- “Việt Nam 1945 - 1995”, Lê Xuân Khoa, Chương 6: Di Tản và Định Cư Tỵ Nạn 1954.

